TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21/02/2024
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Kim Phượng

Ông Trần Văn Kiệt

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Bà Lê Thị Xuân Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Qua quen biết chị T và anh Nguyễn Tuấn K tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 101, ngày 17/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh K không chăm lo cho cuộc sống gia đình, anh chị thường xuyên cự cãi, mỗi người tự lo cho bản thân, bản thân chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không được. Anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện chị T đang đi làm và ở trọ tại tỉnh Bến Tre còn anh K đã đi làm và ở trọ tại Bình Dương. Từ lúc ly thân anh K không có liên lạc với chị T và cũng không có ý định hàn gắn hôn nhân với chị nữa.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn K.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn K vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn K vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn K.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Tuấn K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Tuấn K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 101, ngày 17/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh K không quan tâm chăm sóc gia đình, mỗi người tự lo cho bản thân của mình, hai anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Quá trình xác minh tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ do chị T và anh K không có trình báo và cũng không yêu cầu hòa giải về hôn nhân. Trong quá trình ly thân từ năm 2020 đến nay chị T và anh K đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, Toà án đã triệu tập anh K nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện anh K không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Chị T xác định không còn tình cảm với anh K và kiên quyết ly hôn, chị và anh K cũng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh K là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh K.

[4] Về con chung: Chị T và anh K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn K.

2. Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000504 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;Lưu hồ sơ vụ án: 04.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mai Ka